

khu công nghiệp tỉnh Nam Định, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định để quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý khu công nghiệp theo quy định tại Điều 27 Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu hình quốc huy. Biên chế và kinh phí hoạt động của Ban Quản lý thuộc biên chế và ngân sách nhà nước cấp cho tỉnh Nam Định.

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định có Trưởng ban do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; một số Phó Trưởng ban, một số Ủy viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định bổ nhiệm.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định có bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 28 của Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi

hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THƯƠNG MẠI - CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ liên tịch số 08/2003/TTLT-BTM-BCN ngày 28/10/2003 hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ năm 2004.

Căn cứ Hiệp định về buôn bán hàng dệt may với EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ;

Căn cứ Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Căn cứ tình hình xuất khẩu hàng dệt may sang EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ 9 tháng đầu năm 2003;

Sau khi tham khảo ý kiến của Hiệp hội dệt may Việt Nam;

Liên tịch Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ năm 2004 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng hạn ngạch

Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang EU, Thổ Nhĩ Kỳ có 29 chủng loại hàng (Cat.) và sang thị trường Canada có 14 chủng loại hàng (Cat.) được quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Đối tượng được giao và thực hiện hạn ngạch

Thương nhân được giao và thực hiện hạn ngạch phải có đủ các điều kiện sau:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đã đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc có Giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Có năng lực sản xuất hàng dệt may; đối với các thương nhân kinh doanh thương mại (không có cơ sở sản xuất) phải có hợp đồng hợp tác sản xuất, hợp đồng cung ứng sản phẩm xuất khẩu với các nhà sản xuất;

- Không vi phạm các quy định hiện hành cũng như các quy định của Hiệp định trong năm 2003.

3. Thực hiện cấp Giấy phép xuất khẩu (Export Licence) tự động đối với:

- Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang EU;

- Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Thổ Nhĩ Kỳ (trừ chủng loại hàng - Cat. 6, 35, 41).

Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu tự động thực hiện tại các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại (hoặc đơn vị được Bộ Thương mại ủy quyền) tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Thực hiện việc giao hạn ngạch đối với:

- + Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Canada;

- + Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Thổ Nhĩ Kỳ các chủng loại hàng (Cat.) 6, 35, 41.

Thương nhân thực hiện hạn ngạch

theo Thông báo giao hạn ngạch của Bộ Thương mại hoặc của Sở Thương mại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng (cơ quan được Ủy ban nhân dân các thành phố ủy quyền giao hạn ngạch).

II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC GIAO HẠN NGẠCH

1. Quy định về cấp Giấy phép xuất khẩu (E/L) và giao hạn ngạch hàng xuất khẩu sang thị trường EU, Thổ Nhĩ Kỳ.

Hàng tuần, Bộ Thương mại sẽ thông báo tình hình cấp Giấy phép xuất khẩu tự động và số lượng hạn ngạch còn lại trên báo Thương mại và địa chỉ Website của Bộ Thương mại (www.mot.gov.vn) và tại các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực, đồng thời có hướng dẫn giải quyết đối với những chủng loại hàng có khả năng xuất khẩu hết hạn ngạch để thương nhân biết và thực hiện, cụ thể:

- Trong quý I hoặc quý II năm 2004 khi cấp Giấy phép xuất khẩu tự động đạt mức 70% hạn ngạch cơ sở và đạt mức 85% trong quý III hoặc trong quý IV năm 2004 đối với từng chủng loại hàng (Cat.), Bộ Thương mại sẽ ngừng cấp Giấy phép xuất khẩu tự động. Phần hạn ngạch còn lại sau khi ngừng cấp Giấy phép xuất khẩu tự động liên Bộ sẽ giao

về các Sở Thương mại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng và giao trực tiếp cho các thương nhân khác.

- Việc giao hạn ngạch còn lại dựa trên cơ sở:

+ Tỷ lệ phần trăm số lượng hạn ngạch thực hiện của từng Cat. đến thời điểm thông báo ngừng cấp Giấy phép tự động.

+ Các đơn hàng đã sản xuất chờ xuất khẩu, đã nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất.

+ Có hợp đồng gia công/xuất khẩu ký với khách hàng là nhà công nghiệp châu Âu, do Ủy ban châu Âu giới thiệu hoặc ký trực tiếp với khách hàng Cộng đồng châu Âu (EU).

+ Có hợp đồng xuất khẩu hàng dệt may sử dụng vải/nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam.

2. Quy định về giao hạn ngạch xuất khẩu sang thị trường Canada, Thổ Nhĩ Kỳ (Các Cat. 6, 35, 41)

- Hạn ngạch được giao căn cứ tỷ lệ phần trăm số lượng thực hiện hạn ngạch của từng chủng loại hàng (cat.) trong năm 2003.

- Thời gian giao hạn ngạch

+ Đợt 1: vào khoảng tháng 11 năm 2003, giao hạn ngạch cho Thương nhân trên cơ sở thành tích xuất khẩu sang Canada và Thổ Nhĩ Kỳ (Cat. 6, 35 và 41) của 9 tháng đầu năm 2003.

+ Đợt 2: vào khoảng cuối tháng 01 năm 2004, giao hạn ngạch còn lại cho thương nhân có thành tích xuất khẩu trong 3 tháng cuối năm 2003.

- Thủ tục đăng ký hạn ngạch

Thương nhân có nhu cầu sử dụng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường Canada và Thổ Nhĩ Kỳ (Cat. 6, 35 và 41) năm 2004 gửi đăng ký (theo mẫu đính kèm) về Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) 21 Ngô Quyền, Hà Nội và gửi về Sở Thương mại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng (nếu là những thương nhân trực thuộc thành phố) trước ngày 15 tháng 11 năm 2003 và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của việc kê khai các tiêu chí trong đơn đăng ký hạn ngạch.

III. QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN HẠN NGẠCH

1. Hiệu lực thực hiện:

Hạn ngạch năm 2004 có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

2. Hoàn trả

Thương nhân không có khả năng thực hiện hạn ngạch được giao phải có văn bản hoàn trả lại Bộ Thương mại.

- Hạn ngạch hoàn trả trước tháng 9

năm 2004, sẽ được tính vào hạn ngạch tiêu chuẩn năm sau.

- Hạn ngạch hoàn trả từ tháng 9 năm 2004 trở đi sẽ không tính vào hạn ngạch tiêu chuẩn năm sau.

Hạn ngạch được giao nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hết mà không hoàn trả sẽ bị trừ 3 lần số lượng hạn ngạch không sử dụng vào tiêu chuẩn hạn ngạch năm sau.

3. Chuyển đổi hạn ngạch

Trong trường hợp có nhu cầu chuyển đổi hạn ngạch giữa các chủng loại hàng (Cat.) thương nhân có văn bản gửi Bộ Thương mại hoặc các Sở Thương mại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng đề nghị xem xét, giải quyết phù hợp với quy định của Hiệp định.

Tỷ lệ chuyển đổi giữa các Cat. như Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư liên tịch này.

4. Ủy thác và nhận ủy thác

Việc ủy thác và nhận ủy thác được thực hiện theo Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 và Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 của Chính phủ.

5. Phí hạn ngạch

Mức thu phí hạn ngạch từng chủng loại hàng (cat.) được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1698/TM-XNK ngày 01/10/2002 của Bộ Thương mại, cụ thể

như Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư liên tịch này.

Thương nhân nộp phí hạn ngạch cho từng lô hàng xuất khẩu. Khi làm thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, thương nhân xuất trình với Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực chứng từ đã nộp phí hạn ngạch vào tài khoản của Bộ Thương mại số 920.90.023 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện các điều khoản của Hiệp định đã ký và các quy chế đã ban hành, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong nước và nước ngoài giải quyết kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện. Kết quả việc giao hạn ngạch và tình hình thực hiện hạn ngạch được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang web: www.mot.gov.vn của Bộ Thương mại.

2. Thương nhân thực hiện đúng các quy định của Thông tư liên tịch và các quy định của Hiệp định buôn bán hàng dệt may ký với EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trường hợp vi phạm, tùy mức độ sẽ bị xử lý từ thu hồi hạn ngạch đến đình chỉ phân giao hạn ngạch hoặc theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

2.1. Thương nhân chuyển tải bất hợp pháp hàng hóa, làm và sử dụng Giấy phép xuất khẩu (E/L) giả, C/O giả, giả mạo hồ sơ bị thu hồi hết hạn ngạch, không phân hạn ngạch năm sau và chuyển hồ sơ sang cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý.

2.2. Thương nhân khai không đúng nội dung đơn xin hạn ngạch, đơn xin Giấy phép xuất khẩu, lẩn tránh việc kiểm soát hạn ngạch của liên Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp bị thu hồi hết hạn ngạch, không giao hạn ngạch bổ sung.

2.3. Thương nhân khai sai năng lực sản xuất, sai kim ngạch xuất khẩu để được giao hạn ngạch bổ sung thì thu hồi phần hạn ngạch được cấp do khai báo sai và phạt 30% hạn ngạch theo tiêu chuẩn được cấp.

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

MAI VĂN DẦU

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

BÙI XUÂN KHU

**Mẫu đăng ký hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường
Canada và Thổ Nhĩ Kỳ (Cat. 6,35,41)**

(kèm theo Thông tư liên tịch số 08/2003/TTLT-BTM-BCN ngày 28/10/2003).

1. Tên Thương nhân:
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: Cấp ngày:
3. Mã số XNK (Mã số Hải quan):
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Địa chỉ giao dịch:
6. Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
7. Tổng số thiết bị hiện có:
8. Tổng số lao động:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số công văn: , ngày..... tháng..... năm 200...

Kính gửi: Bộ Thương mại

**- V/v Đăng ký hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường
Canada hoặc Thổ Nhĩ Kỳ năm 2004**

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2003/TTLT-BTM-BCN ngày 28/10/2003 của liên Bộ Thương mại và Công nghiệp hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ năm 2004, (Tên thương nhân...) đề nghị liên Bộ phân giao hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Canada hoặc Thổ Nhĩ Kỳ năm 2004 căn cứ trên thành tích xuất khẩu của thương nhân năm 2003 như sau:

Số thứ tự	Tên hàng	Cat.	Đơn vị	Hạn ngạch được phân giao năm 2003	Đã xuất khẩu tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/9/2003	Hạn ngạch đăng ký năm 2004	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu kê khai trên.

Người đứng đầu thương nhân
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 01*(kèm theo Thông tư liên tịch số 08/2003/TTLT-BTM-BCN ngày 28/10/2003).***1. Danh mục các chủng loại (Cat.) hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường EU, Thổ Nhĩ Kỳ có áp dụng hạn ngạch**

Số thứ tự	Mô tả	Cat.	Đơn vị	Quy đổi trọng lượng (gr)	Phí (VNĐ)/đơn vị hạn ngạch
1	T-shirt, Poloshirt	4	Chiếc	154	300,0
2	Áo len, áo nỉ	5	Chiếc	221	1.000,0
3	Quần	6	Chiếc	568	1.000,0
4	Sơ mi nữ	7	Chiếc	180	500,0
5	Sơ mi nam	8	Chiếc	217	500,0
6	Khăn bông	9	Tấn		0
7	Găng tay	10	Đôi	59	0
8	Bít tất	12	Đôi	41	0
9	Quần lót	13	Chiếc	59	0
10	Áo khoác nam	14	Chiếc	1.389	0
11	Áo khoác nữ	15	Chiếc	1.190	2.000,0
12	Bộ Pyjama, quần áo ngủ	18	Tấn		0
13	Ga trải giường	20	Tấn		0
14	Áo Jacket	21	Chiếc	435	0
15	Váy dài nữ	26	Chiếc	323	0
16	Quần len	28	Chiếc	620	0
17	Bộ quần áo nữ	29	Bộ	730	1.000,0
18	Áo lót nhỏ	31	Chiếc	55	1.000,0
19	Vải tổng hợp	35	Tấn		0
20	Khăn trải bàn	39	Tấn		0
21	Sợi tổng hợp	41	Tấn		0
22	Quần áo trẻ em	68	Tấn		0
23	Bộ quần áo thể thao	73	Bộ	600	0
24	Quần áo bảo hộ lao động	76	Tấn		0
25	Quần áo dệt thoi khác	78	Tấn		1.500.000,0
26	Quần áo dệt kim khác	83	Tấn		0
27	Lưới sợi	97	Tấn		0
28	Khăn trải bàn bằng lanh, gai	118	Tấn		0
29	Quần áo bằng vải thô	161	Tấn		0

Hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ không thu phí.

2. Danh mục các chủng loại (Cat.) hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Canada có áp dụng hạn ngạch

Số thứ tự	Mô tả	Cat.	Đơn vị	Quy đổi giữa các Cat.	Phí (VNĐ)/đơn vị hạn ngạch
1	Áo Jacket	1/3a	Chiếc/bộ	1	2.000,0
2	Quần áo mùa đông	2a	Chiếc/bộ	1	2.000,0
3	Bộ quần áo nam	3c	Bộ	1	500,0
4	Áo vest nữ	4a	Chiếc	1	500,0
5	Váy nữ	4c	Chiếc	1	500,0
6	Quần	5a	Chiếc	1	500,0
7	Quần soóc	5b	Chiếc	1	500,0
8	T-shirt	8c	Chiếc	1	500,0
9	Bộ Thể thao	8d	Bộ	1	500,0
10	Quần áo lót	9a	Chiếc/bộ	1	500,0
11	Quần áo ngủ, choàng tắm	10a	Chiếc/bộ	1	500,0
12	Quần áo	13	Chiếc/bộ	1	500,0
13	Áo len	11a	Chiếc	1	500,0
14	Quần áo trẻ em	ItemB	Chiếc/bộ	1	500,0

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số **176/2003/QĐ-BBCVT** ngày 10/11/2003 ban hành “Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, mạng và dịch vụ viễn thông”.

**BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn

thông công bố ngày 07 tháng 6 năm 2002 theo Lệnh số 13/2002/L-CTN của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết